

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ

1. Tên của Quỹ: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt
2. Số giấy phép: 50/GCN-UBCK
3. Loại hình Quỹ: Quỹ mở

4. Ngày đăng ký với UBCKNN:
5. Thời hạn hiệu lực:
6. Thông cáo nội dung sau:

"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / /

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin.
Họ và tên: Nguyễn Đình An
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)
Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 3928 9589
Fax: (84-24) 3928 9590
8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3928 9589
Fax: (84-24) 3928 9590
Website: <http://www.baoviefund.com.vn>
Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CẠO BẠCH.....	1
II.	CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA.....	1
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	4
3.1	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	4
3.2	Cơ hội đầu tư tại Việt Nam.....	7
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	9
4.1	Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	9
4.1.1	Thông tin cơ bản.....	9
4.1.2	Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	9
4.1.3	Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	12
4.1.4	Giới thiệu về nhân sự chủ chốt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	13
4.2	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	13
4.3	Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý.....	16
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	17
VI.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	18
VII.	BÀI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	18
VIII.	CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	18
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ.....	18
9.1	Thông tin chung về Quỹ.....	18
9.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	18
9.1.2	Giấy đăng ký phát hành.....	19
9.1.3	Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ.....	19
9.1.4	Mức tiêu đầu tư.....	19
9.1.5	Ban Đại diện Quỹ.....	19
9.1.6	Người điều hành Quỹ.....	20
9.2	Nội dung chính của Điều lệ Quỹ.....	21
9.2.1	Các điều khoản chung.....	21
9.2.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ.....	21
9.2.1.2	Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	21

21	Nguyên tắc tổ chức của Quý
22	Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quý chào bán
22	Bãi diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quý
22	Công ty Quản lý Quý
23	Ngân hàng Giám sát
23	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế
23	Mục tiêu đầu tư
23	Chiến lược đầu tư
25	Các hạn chế đầu tư
26	Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch kỳ quỹ
27	Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng
28	Đặc trưng của Chứng chỉ Quý đầu tư
28	Nhà đầu tư
28	Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư
28	Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quý
29	Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư
29	Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quý và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quý
30	Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quý
30	Thời gian và địa điểm
31	Quy trình nhận lệnh mua
32	Quy trình nhận lệnh bán
33	Hủy lệnh giao dịch
34	Hoàn trả tiền
34	Chương trình đầu tư định kỳ
34	Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quý, thực hiện một phần lệnh giao dịch
35	Chuyển đổi Chứng chỉ Quý
36	Thực hiện các chuyển nhượng phi thương mại
36	Thông tin về các mức phí mà Quý phải trả
36	Phí Quản lý Quý
37	Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng

37	Chi phí khác	9.2.5.3
37	Phân chia lợi nhuận.....	9.2.6
38	Đại hội Nhà đầu tư	9.2.7
38	Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường.....	9.2.7.1
39	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	9.2.7.2
39	Điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư	9.2.7.3
40	Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	9.2.7.4
40	Ban Đại diện Quý	9.2.8
40	Tổ chức Ban Đại diện Quý	9.2.8.1
40	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quý.....	9.2.8.2
41	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quý	9.2.8.3
42	Chủ tịch Ban Đại diện Quý	9.2.8.4
42	Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quý	9.2.8.5
42	Định chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quý	9.2.8.6
43	Cuộc họp Ban Đại diện Quý	9.2.8.7
43	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ.....	9.2.9
43	Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	9.2.9.1
44	Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ.....	9.2.9.2
45	Chăm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ	9.2.9.3
45	Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	9.2.9.4
46	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát	9.2.10
46	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát	9.2.10.1
46	Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát.....	9.2.10.2
47	Chăm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát.....	9.2.10.3
47	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo.....	9.2.11
47	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	9.2.11.1
47	Năm tài chính	9.2.11.2
48	Chế độ kế toán	9.2.11.3
48	Bảo cáo tài chính.....	9.2.11.4
48	Báo cáo khác.....	9.2.11.5
48	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	9.3

9.3.1	Rủi ro thị trường	48
9.3.2	Rủi ro lạm phát	48
9.3.3	Rủi ro thiếu tính thanh khoản.....	48
9.3.4	Rủi ro pháp lý	48
9.3.5	Rủi ro tín dụng.....	48
9.3.6	Rủi ro xung đột lợi ích	49
9.3.7	Rủi ro hoạt động.....	49
9.3.8	Rủi ro chiến lược đầu tư.....	49
9.4	Chính sách thuế	49
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO.....	50
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	55
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	55
XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	55
13.1	Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư	55
13.2	Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.....	56
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ.....	57
XV.	CAM KẾT	57
	Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	57
	Phụ lục 1. Phí lưu ký giám sát và Phí trả cho dịch vụ ủy quyền	58
	Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED	61
	Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED.....	67
	Phụ lục 4: Danh sách đại lý phân phối và địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ.....	70

NỘI DUNG BÀN CÃO BÁCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CÃO BÁCH

1.1 Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Ông Nguyễn Đình An
Chức vụ: Tổng giám đốc
 - Bà Nguyễn Phương Anh
Chức vụ: Giám đốc Phát triển kinh doanh
 - Ông Mai Trung Dũng
Chức vụ: Giám đốc Giám sát tuân thủ
- Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu được nêu trong Bản cáo bạch là chính xác, phù hợp với các thực tế, dự kiến mà chúng tôi thu thập nghiên cứu.

1.2 Ngân hàng Giám sát

- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Mỹ Linh
- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà thành

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt lập. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cần trọng dựa trên các thông tin và dữ liệu chúng tôi có được và căn cứ trên Bản Cáo bạch mẫu do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016.

II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ”

Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFEED), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.

“Công ty Quản lý Quỹ”

Có nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (BVVF) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này, hoặc bất kỳ công ty quản lý quỹ nào khác được ủy thác để quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHDLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quý; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý đồng thời giám sát hoạt động của Quý; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quý do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 39 Điều lệ Quý (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.
"Công ty kiểm toán"	Có nghĩa là công ty kiểm toán độc lập cho Quý được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hàng năm theo Điều lệ Quý và văn bản pháp luật có liên quan.
"Đại lý phân phối"	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Quý được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quý và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quý"	Là Điều lệ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
"Người có liên quan"	Là khái niệm "Người có liên quan" được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật số 70.
"Bản cáo bạch"	Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Hợp đồng giám sát"	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quý.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ/dầu tư vào Chứng chỉ Quỹ
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quý. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quý.

Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quý, Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát.

Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quý lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quý.

Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quý của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quý đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quý.

Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quý đại diện cho Quý phát hành (sau đây gọi là *Chứng chỉ*), dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quý theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quý của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.

Là hàng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% (năm phần trăm) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quý từ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quý. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quý cộng thêm phí phát hành.

Là mức giá mà Công ty Quản lý Quý phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quý. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quý trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quý.

Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quý cung cấp dịch vụ quản lý quý đã được quy định tại Điều lệ Quý.

Là phí mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quý. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua hợp lệ/giá trị giao dịch thành công được công bố tại Bản Cáo bạch.

Là số lợi nhuận còn lại của Quý sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.

Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quý sẽ được tính từ ngày Quý được Ủy ban Chứng khoán

"Ban Đại diện Quý"

"Vốn Điều lệ"

"Đơn vị Quý"

"Chứng chỉ Quý đầu tư"

"Hàng mục đầu tư lớn của Quý"

"Giá bán/Giá phát hành"

"Giá mua lại"

"Phí quản lý quý"

"Phí phát hành/phí mua lại"

"Cơ tức Quý"

"Năm tài chính"

Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quy cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

"Giá trị tài sản ròng của Quy"
Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quy sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quy tại ngày trước ngày định giá.

"Ngày định giá"
Là ngày mà Công ty Quản lý Quy xác định giá trị tài sản ròng của Quy theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quy.

"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quy"
Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quy, thay mặt Quy, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quy (Ngày T).

"Thời điểm đóng sổ lệnh"
Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.

"Chỉ số VN30"
Là chỉ số được xây dựng trên cơ sở 30 cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05/01/2012 của Sở Giao

dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30.

"Rủi ro phiếu VN30"
Là danh mục cổ phiếu đầu tư vào các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 với mục đích mở phòng vận động của chỉ số VN30.

"Luật Chứng khoán"
Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng

khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011.

"UBCKNN"
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

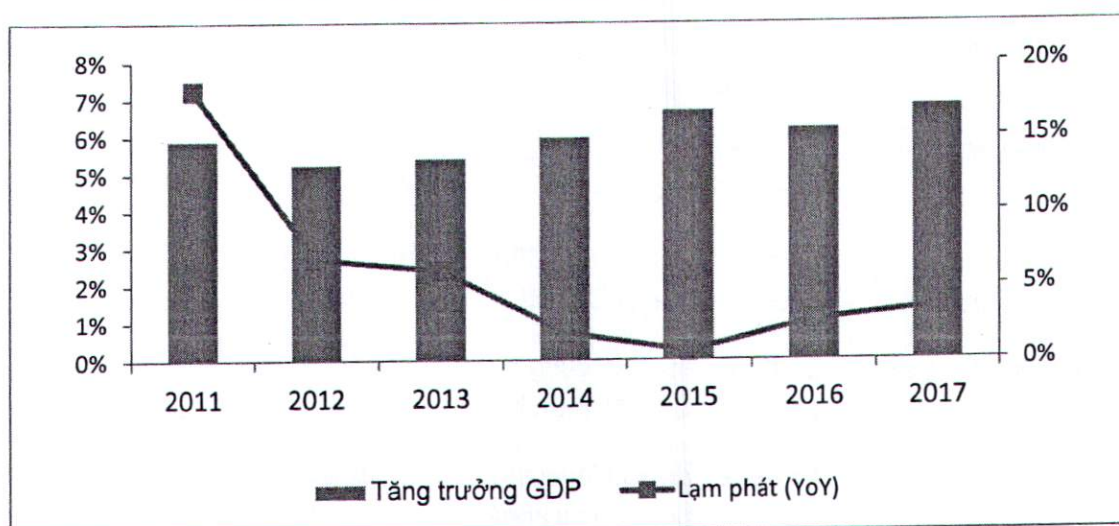
"Các định nghĩa khác"
Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2011, mặc dù chịu ảnh hưởng đáng kể nhưng sau 06 năm, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực và quan trọng, thể hiện qua tăng trưởng GDP ở mức khá, lạm phát được duy trì ở mức ổn định, đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI và kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt kết quả khá quan.

**Nền kinh tế dự báo bắt đầu một chu kỳ tăng trưởng mới
với tăng trưởng GDP tăng dần và lạm phát ở mức thấp**



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong giai đoạn 2018 – 2020, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Những động lực làm nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn tới bao gồm:

- Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng:

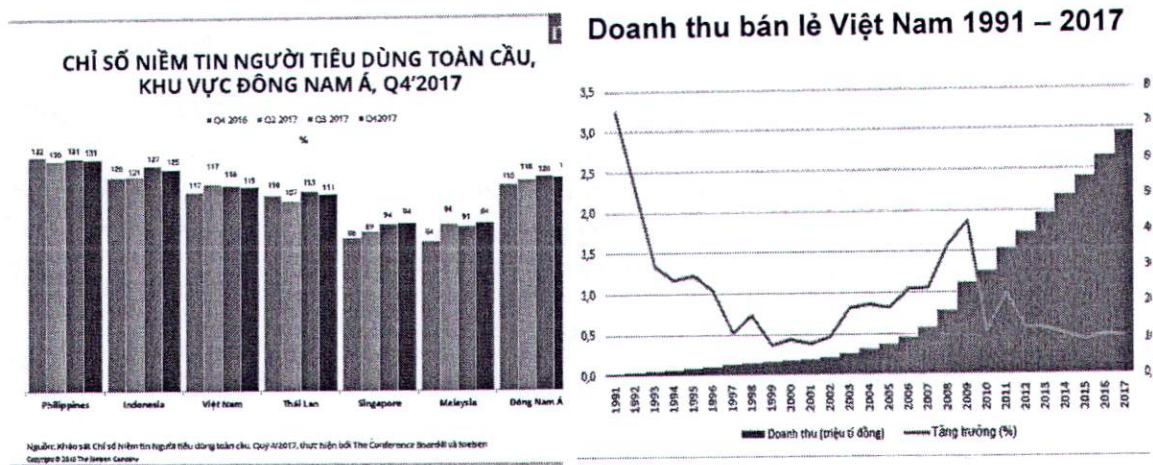
Theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ, giai đoạn 2018 – 2020 tiếp tục được hỗ trợ bởi một loạt các chính sách nhằm thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, như chính sách tiền tệ linh hoạt, đảm bảo giá trị đồng tiền Việt Nam; cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; thực hiện tái cấu trúc hệ thống tài chính và cải tổ khối doanh nghiệp nhà nước có hiệu quả và thực chất; chính sách tiền lương, tiền công được cải cách theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Đặc biệt, việc nâng cao vai trò của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh được nhấn mạnh như là động lực tăng trưởng chính trong những năm tới.

Các chính sách được đưa ra tạo mọi điều kiện thuận lợi để khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển như cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam; hỗ trợ doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên và đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp. Tính đến hết năm 2017, ước tính cả nước có khoảng trên 700.000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh đang hoạt động, sử dụng gần 62% tổng số lao động trong các loại hình doanh nghiệp, đóng góp khoảng 40% GDP cả nước.

Trong giai đoạn trước đây, chính nhờ những cải cách thể chế kinh tế theo hướng cải tổ khối doanh nghiệp nhà nước và mở hơn đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã đem lại tăng trưởng GDP bình quân hàng năm > 7% trong một giai đoạn dài. Bên cạnh đó, việc gia tăng các cam kết quốc tế thông qua ký kết các hiệp định thương mại tự do như AEC, ASEAN + 6, VN EU FTA và đặc biệt là CPTPP... hay việc mở cửa một loạt các ngành, nói “room” cho các doanh nghiệp, mở cửa thị trường bất động sản cũng đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế trong giai đoạn sắp tới.

- *Niềm tin người tiêu dùng và tín dụng được củng cố*

Tỷ trọng thành phần tiêu dùng hộ gia đình (*yếu tố C trong GDP*) chiếm bình quân khoảng 70% trong GDP. Do vậy, biến động của thành phần này có ảnh hưởng khá lớn tới tăng trưởng GDP hàng năm. Theo báo cáo mới nhất về chỉ số niềm tin người tiêu dùng được trường GDP hàng năm. Theo báo cáo mới nhất về chỉ số niềm tin người tiêu dùng được công bố bởi Nielsen, Việt Nam đạt 115 điểm trong quý IV/2017 – đứng vị trí thứ 07 toàn cầu và là một trong những quốc gia có mức độ lạc quan nhất. Nhu cầu tiêu dùng nội địa tại Việt Nam đang giúp duy trì đà tăng trưởng GDP, theo cách chậm nhưng an toàn hơn. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ sau khi giảm mạnh cuối năm 2012 đã hồi phục trong 05 năm trở lại đây, nhờ vào giá cả ổn định và lãi suất thấp. Chính việc lãi suất tiền gửi ngân hàng thấp cộng với niềm tin vào kinh tế tăng trưởng trở lại đã thúc đẩy người dân giảm bớt tiết kiệm và tăng cường chi tiêu trở lại.



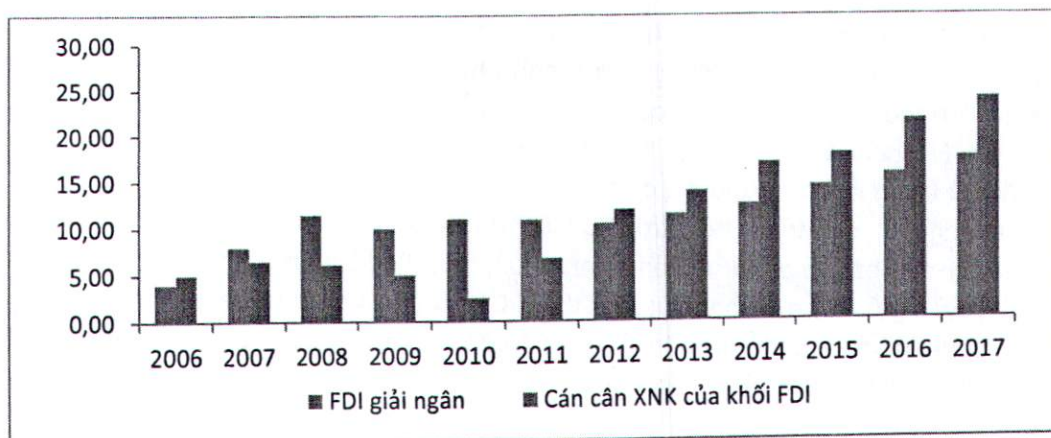
Nguồn: Tổng cục thống kê, AC Nielsen

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Khu vực FDI ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây, thể hiện qua việc tạo ra việc làm lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, đóng góp lớn vào cán cân xuất nhập khẩu và góp phần ổn định tỷ giá ngoại tệ nhờ dòng thu ngoại tệ từ xuất khẩu và đầu tư mới. Trong những năm gần đây, dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam ghi nhận những số liệu đáng tích cực.

Nhờ sự ổn định của đồng nội tệ và chi phí nhân công rẻ, Việt Nam đã và đang trở thành điểm sáng thu hút FDI trong khu vực. Theo Credit Suisse, tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam đã vượt xa các nước châu Á (*không tính Nhật Bản*) tới 10 - 15 điểm phần trăm trong 05 năm qua. Đặc biệt, xuất khẩu thiết bị điện tử hiện nay là mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, vượt qua các mặt hàng truyền thống như may mặc, đồ da, cà phê, gạo. Với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong giai đoạn sắp tới, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhìn chung sẽ còn tiếp tục gia tăng và đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

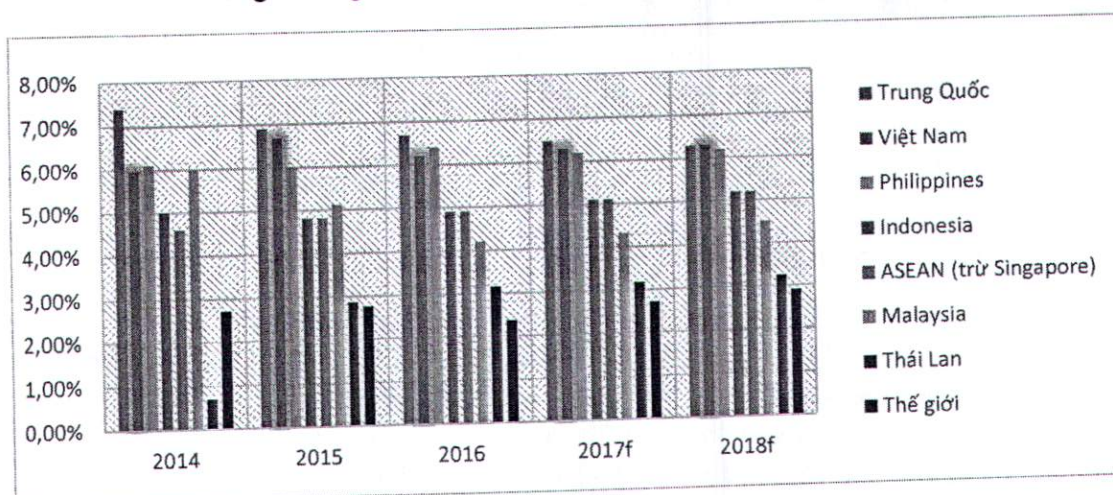
FDI đóng góp lớn vào hoạt động XNK và tăng trưởng GDP (đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: FIA, BVF

Mặc dù còn một số vấn đề trước mắt như cải cách doanh nghiệp nhà nước, rủi ro trước những bất ổn trên thị trường toàn cầu khi hội nhập sâu rộng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu... nhưng với những kết quả khả quan trong thời gian gần đây, quyết tâm cải cách của Chính phủ cùng sự phát triển của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ ổn định và cất cánh trong giai đoạn sắp tới.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam và các nước trên thế giới



3.2 Cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam

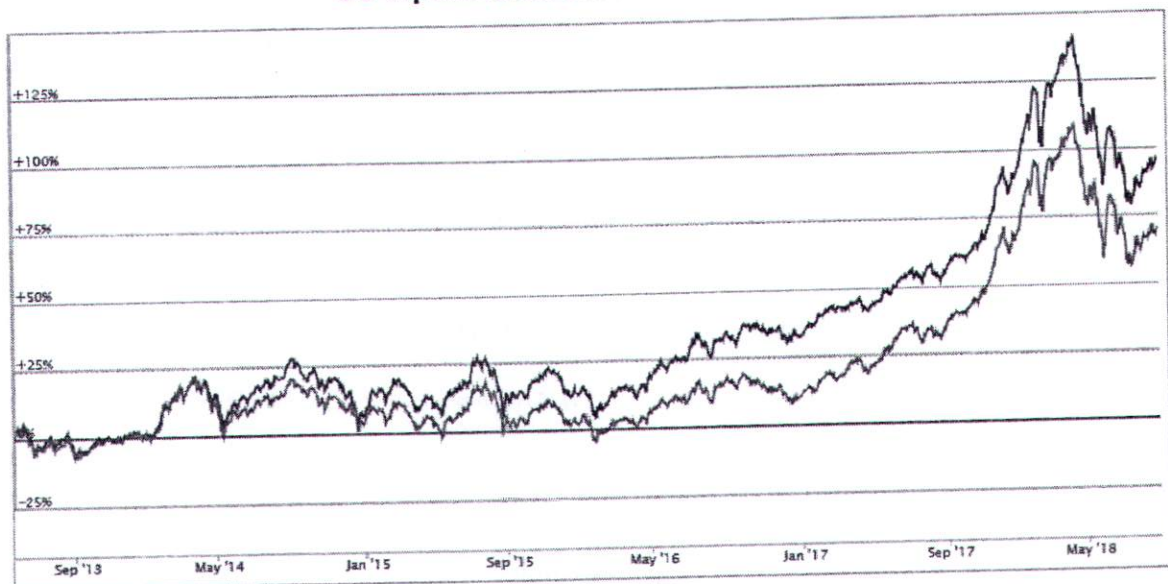
Các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại 03 sàn giao dịch là Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Hà Nội (HNX) và UpCom. Trong số 03 sàn giao dịch chứng khoán, HSX có mức vốn hóa gấp khoảng 4 - 5 lần tổng mức vốn hóa của 02 sàn giao dịch còn lại và được xem là đại diện cho thị trường cổ phiếu Việt Nam. Các doanh nghiệp niêm yết trên HSX đa phần là các doanh nghiệp dẫn đầu trong từng ngành chủ chốt của nền kinh tế Việt Nam như tài chính ngân hàng, bất động sản, năng lượng, công nghệ thông tin, nông lâm nghiệp, thủy sản...

Kể từ khi được thành lập, vận động hàng ngày của HSX được đo lường thông qua chỉ số VNIndex. Đối với các Nhà đầu tư Việt Nam, chỉ số VNIndex là chỉ số quen thuộc nhất và được theo dõi thường xuyên nhất. Nếu thị trường chứng khoán là hàn thử biểu của nền kinh tế thì VNIndex chính là biểu hiện cụ thể của hàn thử biểu này. Tuy nhiên, VNIndex có nhược điểm là tỷ trọng của các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số được tính toán trên cơ sở toàn

bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành (bao gồm các cổ phiếu có khả năng tự do chuyển nhượng và các cổ phiếu không có khả năng tự do chuyển nhượng), vì vậy, trong một số trường hợp, xu hướng vận động của thị trường sẽ không được phản ánh chính xác do ảnh hưởng từ các cổ phiếu không có khả năng tự do chuyển nhượng.

Để khắc phục nhược điểm của VNIndex và hạn chế ảnh hưởng của các cổ phiếu có mức vốn hóa quá lớn, Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã xây dựng bổ sung chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất trên HSX với tỷ trọng của các cổ phiếu trong rổ VN30 được xác định dựa vào tỷ lệ cổ phiếu có khả năng tự do chuyển nhượng và giới hạn tỷ trọng tối đa 10%. Xét về mức vốn hóa và giá trị giao dịch so với toàn bộ sàn giao dịch HSX, các cổ phiếu trong rổ VN30 có mức vốn hóa trung bình bằng 80% và giá trị giao dịch trung bình bằng 60%. Với cấu trúc như trên, VN30 có độ tương quan khá cao với VN Index đồng thời lại khắc phục được nhược điểm của VN Index. Cùng với chỉ số VNIndex, chỉ số VN30 cũng được xem là thước đo đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đồ thị diễn biến chỉ số VNI và VN30



Nguồn: VNDirect

Sự xuất hiện của chỉ số VN30 đã tạo tiền đề cho sự ra đời của một chiến lược đầu tư mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo phương pháp đầu tư truyền thống, các cổ phiếu được lựa chọn thông qua việc đánh giá, phân tích về tình hình tài chính, chiến lược kinh doanh... của từng doanh nghiệp mục tiêu. Với chỉ số VN30, thay vì lựa chọn từng cổ phiếu, việc đầu tư có thể được tiến hành với toàn bộ các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 hay Rổ cổ phiếu VN30. Do tính chất đại diện của chỉ số VN30, việc đầu tư có thể được hiểu theo nghĩa rộng là đầu tư vào thị trường cổ phiếu Việt Nam. So với phương pháp đầu tư truyền thống, chiến lược đầu tư dựa vào chỉ số VN30 có một số ưu điểm đáng kể như sau:

- Rút ngắn thời gian quyết định đầu tư do chỉ dựa trên phân tích, đánh giá về các yếu tố tác động đến thị trường cổ phiếu nói chung và cơ cấu của các cổ phiếu đầu tư đã được xác định trước;
- Giảm thiểu rủi ro đặc thù của từng cổ phiếu (*non-systematic risk*) do danh mục đầu tư cổ phiếu đã được đa dạng hóa

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.1 Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

4.1.1 Thông tin cơ bản

Tên công ty: - Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd.

- Viết tắt: BVF

Giấy phép thành lập
Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
và hoạt động
ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này

Trụ sở chính:
Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Địa chỉ VPĐD
Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

Điện thoại: (84-24) 3 928 9589

Fax (84-24) 3 928 9590

Website: <http://www.baoviefund.com.vn>

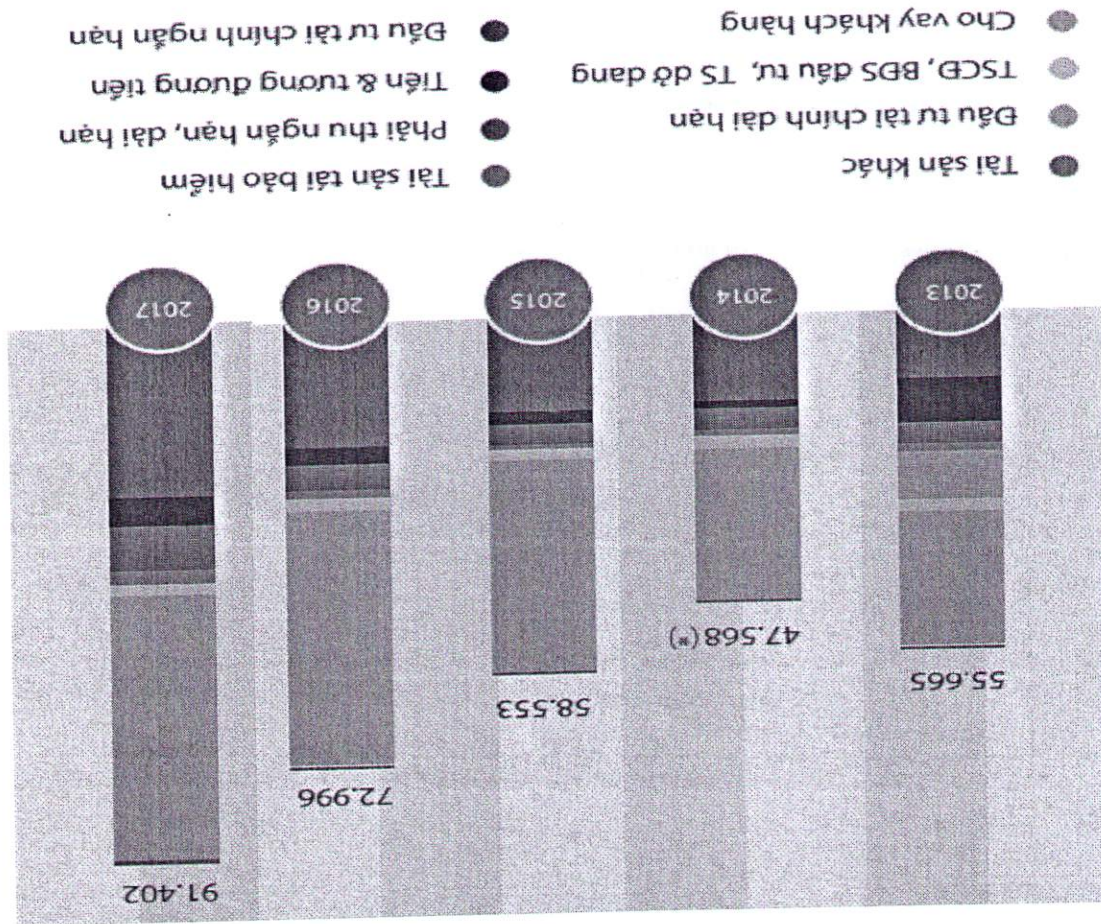
4.1.2 Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (Bảo Việt) đầu tư 100% vốn điều lệ.

- *Vị thế khác biệt và vượt trội:*

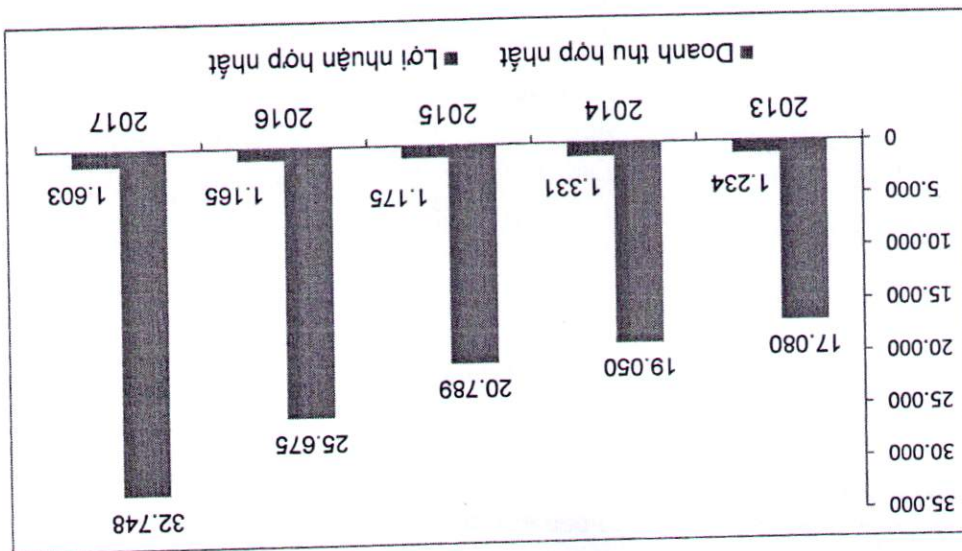
Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn 50 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 170.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 200 chi nhánh, hơn 700 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đầu thị trường về lĩnh vực bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 9.487 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 22.149 tỷ đồng năm 2017.

Nguồn: BVH



Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản hợp nhất giai đoạn 2013 - 2017



Đơn vị: tỷ đồng

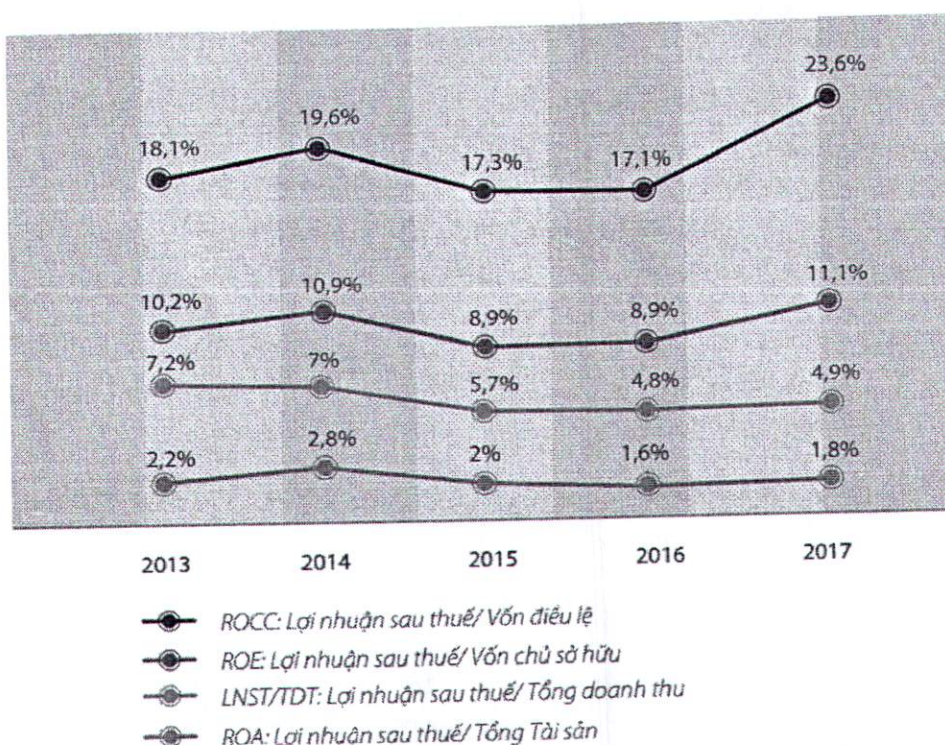
Tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giai đoạn 2013 - 2017

- *Tiềm năng tăng trưởng lớn:*

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, Bảo Việt vẫn duy trì khả năng sinh lời ở mức khả quan.

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



Nguồn: BVH

ƯU THẾ CẠNH TRANH CỦA BẢO VIỆT

- Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam;
- Tập đoàn bảo hiểm tài chính quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam;
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng và được biết đến rộng rãi trên khắp cả nước;
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm;
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng;
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng;
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được;

4.1.3 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Phạm Ngọc Sơn

Chủ tịch HĐTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Thu ngân sách – Học viện Tài chính.
- Cử nhân Trung cấp chính trị - Chính trị Nghệ An.
- Cử nhân Cao cấp lý luận chính trị - Học viện hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 03/2004 đến tháng 06/2014.
- Phó Giám đốc khối Phát triển kinh doanh, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 06/2014 đến tháng 01/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 01/2015 đến tháng 09/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 10/2015 đến tháng 09/2016.
- Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 09/2016 đến nay.

Ông Nguyễn Xuân Việt

Thành viên HĐTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – văn bằng 2 – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Chứng chỉ Học viên sĩ quan dự bị – Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Phòng Không.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 23 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 5/2015 đến tháng 01/2018.

Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường. Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Do đó, tổng tài sản quản lý của công ty có mức tăng bình quân là trên 8%/năm. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt xấp xỉ

4.2.1 Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.

4.2 Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Nguyễn Đình An
Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại phần trên

4.1.4 Giới thiệu về nhân sự chủ chốt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, Tập đoàn Bảo Việt từ 11/2016 đến 01/2017.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 1/2017 tới nay.
- Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 2/2017 tới tháng 7/2018.
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 7/2018 tới nay.

❖ Kinh nghiệm làm việc

- Chứng chỉ LOMA – Bảo hiểm nhân thọ
- Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Đại học Staffordshire, Anh Quốc

❖ Trình độ chuyên môn

- Quyền Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018.
- Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 08/2018 đến nay.

Ông Nguyễn Đình An
Thành viên HĐQT

44.488 tỷ đồng.

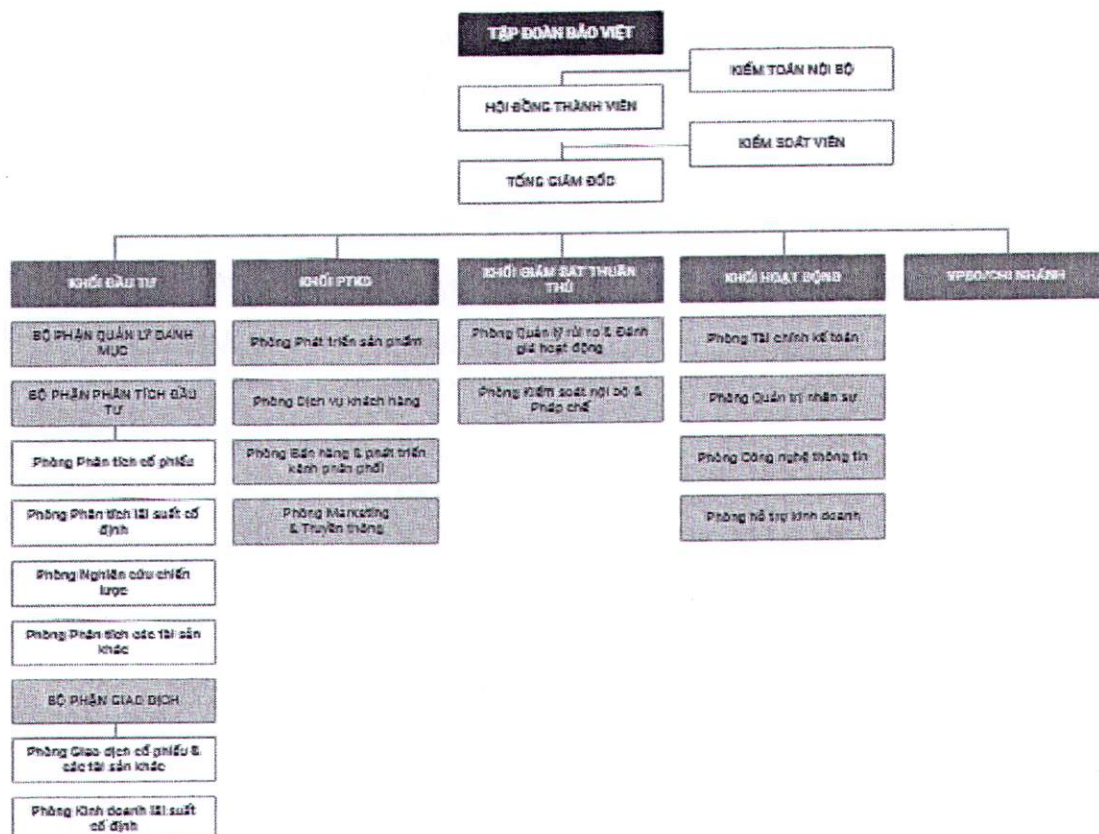
Hiện tại Công ty đang quản lý 06 danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thị trường và 03 quỹ mở, 01 quỹ thành viên. Các quỹ mở của Công ty là các quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức nhận lệnh điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng khi tham gia đầu tư.

BAO VIET FUND

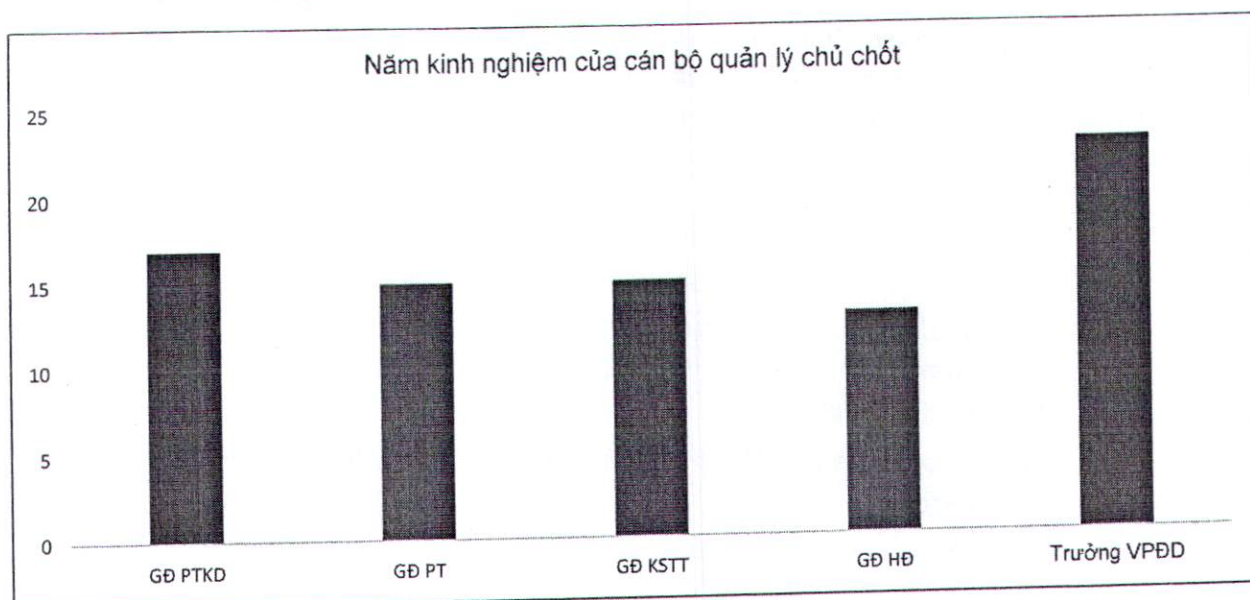
- Là một trong 3 trụ cột của Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện các hoạt động đầu tư từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm cho các đơn vị thành viên.
- Là một nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và chủ động trên thị trường, đặc biệt với hoạt động đầu tư trái phiếu (quy mô giao dịch hàng năm đạt 25.000 – 30.000 tỷ đồng)
- Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước.
- Mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.
- Các quy định, quy trình cho mọi hoạt động đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp yêu cầu và thực tế của thị trường Việt Nam.
- Nhân sự chất lượng cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

So với các công ty quản lý quỹ đang hoạt động trên thị trường Việt Nam, Công ty có các ưu điểm đã được khẳng định như sau:

- Mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng:



- Nhân sự chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm:



- Số năm kinh nghiệm bình quân của cán bộ là trên 10 năm.
 - Hơn 55% cán bộ là thạc sỹ các chuyên ngành liên quan.
 - 13% cán bộ đạt chứng chỉ CFA.
- Hoạt động đầu tư được vận hành hiệu quả:
 - Điều hành danh mục do các cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng tốt và am hiểu thị trường.
 - Hạn mức, mục tiêu và tiêu chí đầu tư được thiết lập rõ ràng trên cơ sở thống nhất với khách hàng nên các kỷ luật đầu tư được thực hiện nghiêm túc.
 - Các quy định, quy trình, hướng dẫn đầu tư được thiết lập đầy đủ. Cán bộ quản lý các danh mục luôn được hỗ trợ đầy đủ bởi các báo cáo, thông tin cung cấp từ bộ phận phân tích, giao dịch để đảm bảo công tác điều hành danh mục được thực hiện một cách có hiệu quả.
 - Các mô hình áp dụng cho công tác phân tích, định giá, xếp hạng tín nhiệm, hỗ trợ công tác ra các quyết định đầu tư được xây dựng đầy đủ.
 - Kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ thực hiện việc kiểm soát trước, trong và sau giao dịch, đảm bảo tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư. Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư được thực hiện độc lập với Khối Đầu tư theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, mẫu biểu thống nhất với khách hàng.

Thông tin chi tiết tại [Bản Cáo bạch này](#).

4.3.1 Quỹ Dầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFFD)

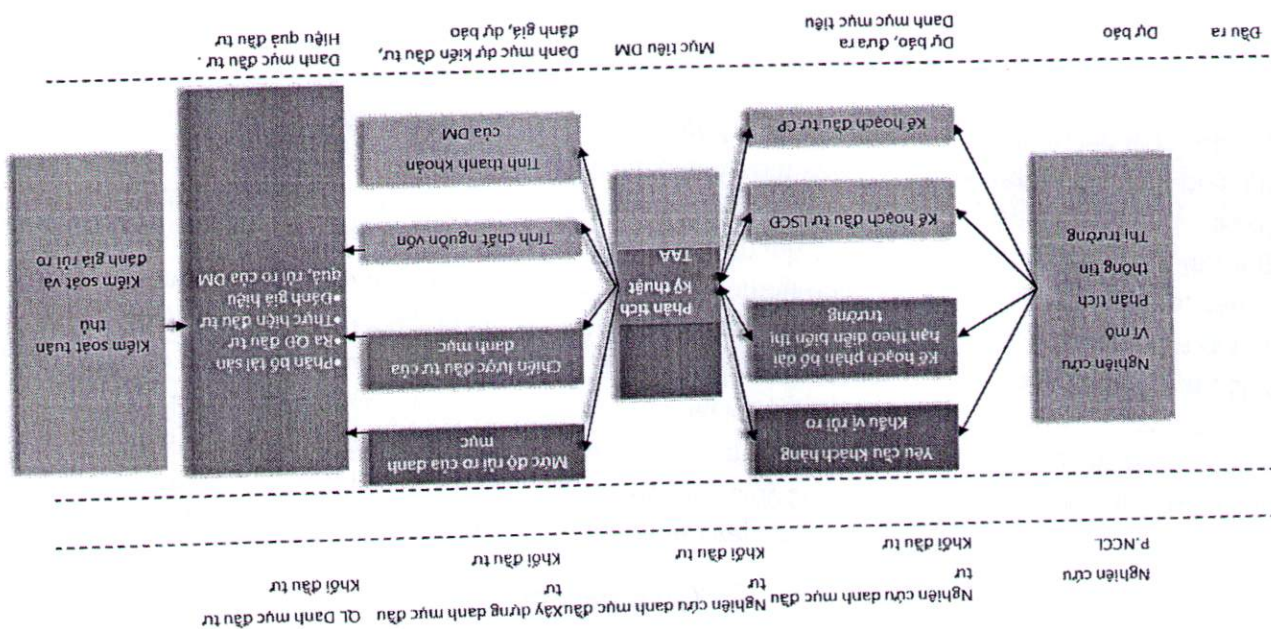
4.3 Các quy do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai!

Chỉ tiêu		2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh		42,2	46,1	54,1	80,5	100,5
Doanh thu từ hoạt động tài chính		6,4	5,5	4,9	7,6	6
Lợi nhuận trước thuế		16,5	15,4	18,9	31,0	39,5
Lợi nhuận sau thuế		13,2	12,4	15,1	24,8	31,6

Đơn vị: tỷ đồng

- 4.2.2 Kết quả kinh doanh của Công ty Quý trong 5 năm gần đây:**
- Với những nền tảng xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:
- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 44.488 tỷ đồng và là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường
 - TSLNSTV/DL trong giai đoạn 5 năm trung bình đạt 28%.



4.3.2 Quỹ Dầu từ Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Dầu từ Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định nơi "room" và đảm bảo phân Hích định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Chiến lược đầu tư của BVIF là tham gia các đợt IPO cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mua/bán tài sản trực doanh nghiệp, các đợt thoái vốn ngoài ngành... với định hướng trở thành cổ đông lớn để có thể cùng tham gia vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị gia tăng. Bên cạnh việc đầu tư vào các doanh nghiệp, BVIF sẽ đầu tư linh hoạt vào các tài sản khác tùy theo điều kiện thị trường nhằm tăng hiệu quả cho Quỹ, tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên tham gia góp vốn.

4.3.3 Quỹ Dầu từ Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)

Quỹ Dầu từ Trái Phiếu Bảo Việt được thành lập vào tháng 04/2016 dưới dạng quỹ mở, tập trung đầu tư vào các loại tài sản có độ an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có độ tin nhiệm cao, tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản đầu tư lãi suất cố định khác. Nhà đầu tư mục tiêu của Quỹ BVBF là các nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro thấp, có xu hướng tìm kiếm một kênh đầu tư an toàn, ổn định. Quỹ BVBF là sản phẩm quỹ mở thứ hai của BVF và nằm trong kế hoạch phát triển chuỗi sản phẩm quỹ đầu tư công chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

4.3.4 Quỹ Dầu từ Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt (BVPF)

Quỹ dầu từ Cổ Phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF) được thành lập vào tháng 12/2016 dưới dạng quỹ mở, hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam. Quỹ phù hợp với nhà đầu tư mong muốn và đạt được lợi nhuận tối ưu trong trung hạn và dài hạn. Trong khi đó, rủi ro được hạn chế nhờ vào chiến lược đa dạng hóa tài sản đầu tư.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Dầu từ và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Giấy phép hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy phép hoạt động: Số 510/QĐ-BKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp lưu ký:
- Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhôm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Điện thoại: (84-24) 39411840
- Fax: (84-24) 39411847

VI. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ
- Trụ sở đăng ký: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 9747113
- Fax: (84-24) 3 9747120
- Hoạt động ủy quyền: Dịch vụ Đại lý chuyên nhượng

VII. ĐẠI LÝ PHẢN PHỐI CHƯƠNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý phản phối và các địa điểm phản phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phản phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phản phối khác nhau là độc lập nhau.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

9.1 Thông tin chung về Quỹ

9.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:

- Bảng tiếng Việt Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt
- Bảng tiếng Anh Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund
- Tên viết tắt BVFED

- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 6, Toà nhà số 72
Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm,
TP Hà Nội.

9.1.2 Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK ngày 07/10/2013 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng.

9.1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK ngày 08/01/2014.

9.1.4 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

9.1.5 Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Dauphine (cộng hòa Pháp) & Học viện ESCP-EAP (Châu Âu).
- Cử nhân Tài chính tín dụng - Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Cử nhân Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Anh – Mỹ – Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Phó trưởng Ban Đầu tư dự án – Khối Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt từ năm 2012 đến năm 2014.
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động – Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 11/2016 đến nay.

Ông Đỗ Anh Đức

Thành viên Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực luật, có nhiều kinh nghiệm về luật kinh tế, đầu tư, chứng khoán.
- Giám đốc Ban đầu tư – Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam từ năm 2005 đến nay.

Ông Nguyễn Cảnh Dương
Thành viên Ban Đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính.
- Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán – Bộ Tài chính

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
- Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA.

9.1.6 Người điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Minh Thanh

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ tài chính - Đại học Orléans, Pháp
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Orléans, Pháp

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 09 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích, đầu tư tài chính
- Chuyên viên Phân tích cổ phiếu từ tháng 01/2008 đến tháng 10/2011.
- Phó phòng Phân tích cổ phiếu từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012.
- Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu từ tháng 10/2012 đến tháng 07/2017.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 8/2017 đến nay.

- Ông Nguyễn Đức Lương** ❖ **Trình độ chuyên môn:**
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản – Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- ❖ **Kinh nghiệm làm việc:**
- 08 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có hơn 03 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư của quỹ đầu tư
 - Chuyên viên đầu tư quỹ Asiantage Global Limited từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2014.
 - Chuyên viên thẩm định và đầu tư dự án, Ban Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 02/2015 đến tháng 08/2015.
 - Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến nay.

9.2 Nội dung chính của Điều lệ Quỹ

9.2.1 Các điều khoản chung

9.2.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
- Tên giao dịch quốc tế: **Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund**
- Tên viết tắt: **BVFED**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội**

9.2.1.2 Thời hạn hoạt động của Quỹ:

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

9.2.1.3 Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

a. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ VPBD
Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Fax
(84-24) 3 928 9590

Điện thoại
(84-24) 3 928 9589

Trụ sở chính:
Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động
Số 05/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này

Tên công ty:
- Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
- Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd.
- Viết tắt: BVF

9.2.1.6 Công ty Quản lý Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

9.2.1.5 Đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

- c. Số lượng đơn vị quỹ được phép lưu hành tối đa: Không giới hạn.
- Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
- b. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý
- mỗi đơn vị quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.
- 71.247.586.800 (Bảy mươi một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm) đồng. Số vốn này được chia thành nhiều đơn vị quỹ với mệnh giá của
- a. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là

9.2.1.4 Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- e. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- d. Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
- c. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
- b. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- và các quy định trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này.

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

9.2.1.7 Ngân hàng Giám sát

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động lưu: Số 510/QĐ-BKHXDLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp

Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhụm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 1840

Fax: (84-24) 3941 1847

9.2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

9.2.2.1 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quý là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

9.2.2.2 Chiến lược đầu tư

a. Quý áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quý sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cổ định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Với chiến lược đầu tư như trên, Quý sẽ tập trung vào loại các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo việc điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư được thực hiện một cách chính xác và kịp thời.

b. Chiến lược đầu tư của quý được thực hiện theo các bước như sau:

i. Đánh giá về sự vận động tương đối giữa thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cổ định dựa trên các tiêu chí định tính và định lượng như: Chu kỳ phát triển của nền kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề chủ đạo trong nền kinh tế, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, mức độ phát triển "nóng" hoặc "lạnh" của từng thị trường thông qua các chỉ số định giá, phân tích kỹ thuật...

ii. Xác định tỷ trọng tối ưu của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quý căn cứ vào kết quả nhận định thị trường và mục tiêu đầu tư của Quý.

c. Cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)
1. Cổ phiếu (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
- <i>Phần cơ sở:</i> (i) Rõ cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Hạn chế đầu tư); (ii) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro - <i>Phần gia tăng:</i> (i) Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... (ii) Các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản. Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa Phần cơ sở và Phần gia tăng trong danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của Phần gia tăng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.	Tối đa 100%
2. Lãi suất cố định (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. - Trái phiếu niêm yết, trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam - Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành	Tối đa 80%
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan.	Tối đa 49% (trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát)

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Lưu ý: Cơ cấu thực tế của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được xác định dựa vào chiến lược đầu tư và các hạn chế đầu tư của Quỹ.

9.2.2.3 Các hạn chế đầu tư

- a. Việc đầu tư vào Các cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:
- i. Có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch;
 - ii. Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - iii. Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch
- b. Ngoài quy định về cơ cấu tài sản của Quỹ theo Chiến lược đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
- i. Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản bao gồm (1) Tiền gửi, (2) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng (3) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (4) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (5) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan
 - ii. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - iii. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - iv. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản bao gồm: (1) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (2) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành
 - v. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - vi. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - vii. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

- viii. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - ix. Không được đầu tư vào cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, danh mục đầu tư cổ phiếu của Quỹ là Rổ cổ phiếu VN30 nhưng loại trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ.
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm 9.2.2.3 – (b) – (vi), (vii), (viii) cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại điểm 9.2.2.3 – (b) do các nguyên nhân sau:
- i. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - ii. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - iii. Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - iv. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - v. Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - vi. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- d. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm 9.2.2.3 – (b) trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
- e. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

9.2.2.4 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Chiến lược đầu tư của Bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.
- b. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
- c. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- d. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) Trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

9.2.2.5 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

a. Nguyên tắc chung:

- i. Ngày định giá là ngày thứ Năm hàng tuần.
- ii. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- iii. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.
- iv. Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày kể từ ngày định giá (không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- v. Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.

b. Phương pháp:

- i. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng giá trị các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí quản lý, phí lưu ký, phí giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
- ii. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:
Tham khảo Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ.
- iii. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày định giá
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- iv. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

9.2.3 Đặc trưng của Chứng chỉ Quý đầu tư

9.2.3.1 Nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư của Quý có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán khi đầu tư vào Quý.
- b. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quý ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quý mà họ sở hữu.
- c. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quý mà mình sở hữu. Việc dễ cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký.

9.2.3.2 Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư có quyền
 - i. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quý tương ứng với số lượng đơn vị quý nắm giữ;
 - ii. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quý;
 - iii. Yêu cầu Công ty Quản lý Quý thay mặt Quý mua lại Chứng chỉ Quý hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quý (nếu có);
 - iv. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
 - v. Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quý.
- b. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây
 - i. Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - ii. Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quý và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quý trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quý;
 - iii. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quý.

9.2.3.3 Sở đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quý

- a. Công ty Quản lý Quý thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quý cho Nhà đầu tư.
- b. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

i. Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có); Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ

- nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn;
 - Giải thể Quỹ theo quyết định của đại hội Nhà đầu tư;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - ii. Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và phải được UBCK có văn bản chấp thuận.
- b. Thanh lý Tài sản của Quỹ khi giải thể:
- i. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án thanh lý, giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.
 - ii. Tiền thu được từ thanh lý tài sản quỹ và các tài sản còn lại được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
 - Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;
 - Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ;
 - Phần còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ.
- c. Các điều kiện hợp nhất, sát nhập
- Việc hợp nhất, sát nhập chỉ được tiến hành theo quy định của pháp luật và phải được UBCK có văn bản chấp thuận.

9.2.4 Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

9.2.4.1 Thời gian và địa điểm

- a. Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ không ít hơn 02 (hai) lần trong một tháng. Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.
- Việc điều chỉnh Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*thay đổi Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc tăng tần suất giao dịch*) sẽ do Công ty quản lý Quỹ xem xét, quyết định.
- b. Thời điểm đóng sổ lệnh (*thời điểm nhận lệnh cuối cùng*) là 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) tại ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) của ngày làm việc gần nhất trước đó.
- c. Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (mua/bán/hủy lệnh) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- d. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch này.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

9.2.4.2 Quy trình nhận lệnh mua

- a. Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:
- Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);
 - Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư).
- b. Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
- Chuyển khoản từ tài khoản đứng tên Nhà đầu tư;
 - Trực tiếp chuyển tiền thông qua ngân hàng trung gian;
 - Chuyển khoản từ tài khoản của người hoặc tổ chức được chỉ định và đã đăng ký với Công ty Quản lý quỹ.

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Góp vốn, mua cổ phần" (CCA) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc chuyển tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản CCA là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản CCA đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- c. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Phiếu lệnh) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- d. Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
- e. Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

- f. Giá trị của một lệnh mua (trừ Chương trình đầu tư định kỳ) không nhỏ hơn 1.000.000 (một triệu) đồng (không nhỏ hơn 2.000.000 đồng đối với đợt phát hành lần đầu)
- g. Số lượng đơn vị quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Phí phát hành})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch;

- h. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- i. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

9.2.4.3 Quy trình nhận lệnh bán

- a. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Phiếu lệnh) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- b. Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
- c. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.

Lưu ý: Trường hợp sau khi lệnh giao dịch của nhà đầu tư được thực hiện, nếu số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch kế tiếp.

- d. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại điểm 9.2.4.7;
- e. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với 01 (một) lệnh bán không nhỏ hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ và có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ 02 (hai) sau dấu phẩy.
- f. Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Phí mua lại}) - \text{Thuế, phí phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

9.2.4.4 Hủy lệnh giao dịch

- T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;
R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;
V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tài Ngày giao dịch
g. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
h. Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư
Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.
i. Thời hạn thanh toán không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong các trường hợp quy định tại điểm 9.2.4.7 – (a) – (i) và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
j. Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
i. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
ii. Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
iii. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá 50 (năm mươi) tỷ đồng;
iv. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ.
v. Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
k. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (j) nói trên.

và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng;

9.2.4.5 Hoàn trả tiền

- a. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
- b. Trường hợp hủy lệnh giao dịch và/hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc không xác nhận được thông tin tên người chuyển tiền và nội dung chuyển tiền, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh (nếu có).
- c. Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng 05 (năm) ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

9.2.4.6 Chương trình đầu tư định kỳ

- a. Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b. Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

9.2.4.7 Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

- a. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - i. Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% (mười phần trăm) Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV); hoặc
 - ii. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) giảm xuống dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng.
- b. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại điểm (a) nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ trừ trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ sẽ được xử lý theo quy định tại điểm 9.2.4.3 – (c). Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (i) nói trên, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (ii) nói trên, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)} - 50 \text{ (năm mươi tỷ) đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

(*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị tiền chuyển đặt mua – Tổng phí phát hành

- c. Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (i) nói trên, Công ty quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- d. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- i. Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - ii. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - iii. Các sự kiện khác do điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
- e. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm (d) nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- f. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- g. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm (f) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h. Trong thời hạn triệu tập đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội Nhà đầu tư.

9.2.4.8 Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- i. Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;

- ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - iii. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi (nếu có), không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm (a) – (i) và (a) – (ii) nói trên
- b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

9.2.4.9 Thực hiện các chuyển nhượng phi thương mại

a. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

- i. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- ii. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

b. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ

- i. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - ii. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.
 - iii. Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ.
 - iv. Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Bên cho tặng thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ, số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại này sẽ được tự động bán hết tại Ngày giao dịch kế tiếp.
- c. Đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

9.2.5 Thông tin về các mức phí mà Quỹ phải trả

9.2.5.1 Phí Quản lý Quỹ

- a. Phí Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
- b. Phí Quản lý Quỹ là 1,0%/năm (Một phần trăm một năm) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số phí phải trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính phí cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Phí phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Phí Quản lý Quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để trả cho Công ty Quản lý Quỹ theo chỉ thị thanh toán thường xuyên.

- c. Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Phí Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.

9.2.5.2 Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng

- a. Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng được trả cho Ngân hàng Giám sát và tổ chức được ủy quyền để cung cấp các dịch vụ tương ứng cho Quỹ;
- b. Mức phí và cách tính phí được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

9.2.5.3 Chi phí khác

- a. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- b. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
- c. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
- d. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- e. Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

9.2.6 Phân chia lợi nhuận

- a. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ.
- b. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- c. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- d. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - i. Phương pháp phân chia lợi nhuận (*bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ*);
 - ii. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - iii. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ*);

- iv. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - v. Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia
- e. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017:

Hình thức phân chia lợi nhuận	Bằng tiền
Nguồn chia	Thu nhập từ cổ tức
Tỷ lệ phân chia	11% trên mệnh giá (1.100VNĐ/chứng chỉ quỹ)
Giá trị lợi nhuận được chia	7.736.769.271 đồng
Thời gian chốt danh sách thực hiện phân phối lợi nhuận	16/04/2018
Thời gian thực hiện	15/5/2018
Phương thức thanh toán	Chuyển khoản theo số tài khoản nhà đầu tư cung cấp

9.2.7 Đại hội Nhà đầu tư

9.2.7.1 Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

- a. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- b. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ.
- c. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - i. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - ii. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% (*mười phần trăm*) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất 06 (*sáu*) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
 - iii. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- d. Việc tổ chức họp bất thường đại hội Nhà đầu tư theo quy định điểm (c) nói trên phải được thực hiện trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

9.2.7.2 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

- a. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
- b. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ;
- c. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;
- d. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách quỹ;
- e. Giải thể quỹ;
- f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

9.2.7.3 Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

- a. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi tiến hành đại hội.
- b. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.
- c. Cuộc họp đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
- d. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (c) nói trên, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- e. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - i. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - ii. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, họp trực tuyến (bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử), bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản (bao gồm hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) tới Nhà đầu tư.
 - iii. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì
 - iv. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - v. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản từ các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:

- Phát hành Phiếu hồi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại.
- Gửi Phiếu hồi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới tất cả các Nhà đầu tư hợp lệ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 15 (mười lăm ngày) trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
- Lập Ban kiểm phiếu trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

9.2.7.4 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.
- Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Đối với nội dung quy định tại các điểm 9.2.7.2 – (b), (c), Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư biểu quyết chấp thuận.
- Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

9.2.8 Ban Đại diện Quỹ

9.2.8.1 Tổ chức Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát.

9.2.8.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

- Ban Đại diện Quỹ có từ 3 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (hai

- phần ba*) số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập.
- b. Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn.
 - c. Chủ tịch và Phó Chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ.
 - d. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - i. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - ii. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - iii. Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán;
 - e. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm (a) và điểm (d) nói trên, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại điểm d điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

9.2.8.3 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

- a. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
- b. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư, bao gồm: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan (iii) Các cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ quy định tại Khoản 2, Điều 13 Điều lệ Quỹ. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.
- c. Lựa chọn công ty kiểm toán trên cơ sở ủy quyền từ Đại hội Nhà đầu tư gần nhất và danh sách đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán hợp lệ từ Công ty Quản lý Quỹ
- d. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ (nếu có), mức lợi nhuận phân phối, thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh căn cứ phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- e. Quyết định điều chỉnh Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (thay đổi Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc tăng tuần suất giao dịch) theo đề nghị của Công ty quản lý Quỹ.

- c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quý do quy định của luật pháp
- b. Bị tòa án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- a. Bị khởi tố hoặc truy tố;

sau:

Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn tư cách trong các trường hợp

9.2.8.6 Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quý

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quý được Chủ tịch Ban Đại diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quý. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quý theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quý sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

9.2.8.5 Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quý

- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quý.
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quý;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quý;
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quý;
- b. Chủ tịch Ban Đại diện Quý có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quý trong số thành viên Ban đại diện.

9.2.8.4 Chủ tịch Ban Đại diện Quý

- i. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quý tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quý và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quý thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quý gây thiệt hại cho Quý thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quý; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- h. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quý quyết định các vấn đề quy định tại điểm (e) nói trên, Ban Đại diện Quý, thông qua Công ty Quản lý Quý, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quý, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư theo phương thức quy định tại Điều lệ quý.
- g. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quý, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- f. Trường hợp Điều lệ Quý có quy định và Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quý được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 9.2.7.2 – (b), (c), (d), (e), (f) và (g).

hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;

- d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
- e. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- f. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- g. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
- h. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

9.2.8.7 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

- a. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- b. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ 51% (*năm mươi một phần trăm*) trở lên.
- c. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản
- d. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được tối thiểu 60% (*sáu mươi phần trăm*) số thành viên dự họp và tối thiểu 51% (*Năm mươi một phần trăm*) số thành viên độc lập thông qua.
- e. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
- f. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại điểm 9.2.8.3 – (e)*).
- g. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

9.2.9 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

9.2.9.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động Quản lý Quỹ.
- b. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
- c. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác Quản lý Quỹ.

9.2.9.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

a. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

- i. Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- ii. Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- iii. Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
- iv. Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
- v. Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- vi. Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
- vii. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- viii. Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ quỹ;
- ix. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- x. Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
- xi. Thay mặt Quỹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- xii. Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
- xiii. Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

b. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau

- i. Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (nhưng không được quyền biểu quyết).
- ii. Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- iii. Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản

lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán;

- iv. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- v. Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

9.2.9.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - i. Theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - ii. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - iii. Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - iv. Quỹ hết thời gian hoạt động.
- b. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu 06 (sáu) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

9.2.9.4 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.
- b. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.
- c. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một Công ty Quản lý Quỹ khác; không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một công ty chứng khoán.
- d. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của một quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.
- e. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản hoặc loại chứng khoán nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban Đại diện Quỹ.
- f. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
- g. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.
- h. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

9.2.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát

9.2.10.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 98 Luật Chứng khoán và không phải là người có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ.

9.2.10.2 Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

a. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát:

- i.* Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
- ii.* Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng ;
- iii.* Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ
- iv.* Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- v.* Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- vi.* Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- vii.* Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- viii.* Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- ix.* Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- x.* Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- xi.* Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- xii.* Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập

nhất tất cả những thay đổi nếu có;

xiii. Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

- b. Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ bảo quản, giám sát tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật; không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
- c. Được tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban Đại diện Quỹ.

9.2.10.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

- a. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - i. Ngân hàng Giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận;
 - ii. Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - iii. Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận.
- b. Trong trường hợp quy định tại điểm (a) nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

9.2.11 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

9.2.11.1 Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

- a. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.
- b. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - i. Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - iii. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ;
- c. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCK.

9.2.11.2 Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

9.2.11.3 Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định (nếu có).

9.2.11.4 Báo cáo tài chính

- a. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- b. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
- c. Báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
- d. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

9.2.11.5 Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

9.3 Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

9.3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của các yếu tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh... làm ảnh hưởng bất lợi đến thị trường cổ phiếu, thị trường lãi suất cố định nói chung và các khoản đầu tư của Quỹ nói riêng.

9.3.2 Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

9.3.3 Rủi ro thiếu tính thanh khoản

Rủi ro thiếu tính thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.

9.3.4 Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi hoạt động đầu tư của Quỹ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9.3.5 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro liên quan đến những tổn thất/thiệt hại nếu bên đối tác không thực

hiện nghĩa vụ thanh toán/chi trả hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn.

9.3.6 Rủi ro xung đột lợi ích

Rủi ro xung đột lợi ích là rủi ro phát sinh từ xung đột lợi ích giữa các quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý hoặc giữa Quỹ với các sản phẩm tài chính khác của công ty, từ đó dẫn tới sự đối xử bất lợi đối với Quỹ.

9.3.7 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do các quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty Quản lý Quỹ vận hành không tốt hoặc do các nguyên nhân khách quan bên ngoài.

9.3.8 Rủi ro chiến lược đầu tư

Rủi ro do chiến lược đầu tư là rủi ro phát sinh do tỷ trọng các lớp tài sản của Quỹ không được điều chỉnh kịp thời dẫn tới tỷ suất lợi nhuận của Quỹ không đáp ứng được Mục tiêu đầu tư.

9.4 Chính sách thuế

a. Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.

b. Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:

i. Thuế áp dụng đối với Quỹ.

ii. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.

- Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (*năm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (*năm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (*không phải một phần trăm*) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.

iii. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.

- c. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

10.1 Căn cứ pháp lý

10.1.1 Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/10/2013.

10.1.2 Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2014.

10.2 Phương án phát hành lần đầu

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)	
Loại hình	Quỹ mở	
Thời hạn của Quỹ	Không giới hạn	
Mục tiêu đầu tư	Tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư	
Kiểm soát rủi ro đầu tư	Ngân hàng Giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ căn cứ vào chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này	
Cơ cấu đầu tư:	Tài sản	Tỷ trọng (*)
	1. Cổ phiếu	
	- Rổ cổ phiếu VN30	Tối đa 95%
	2. Lãi suất cố định	
	- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.	Tối đa 80%
	- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng.	Tối đa 49%
(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ		

Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đơn vị quỹ
Thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ	Từ 18/11/2013 đến 18/12/2013 Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt phát hành lần đầu sớm hơn khoảng thời gian nêu trên nếu các điều kiện sau đây được thỏa mãn đồng thời: a. Tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng; b. Thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày kể từ ngày đăng ký mua đầu tiên; c. Có tối thiểu 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chuyên nghiệp đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ;
Mệnh giá	10.000 VNĐ
Phí phát hành	0 VNĐ
Giá phát hành	10.000 VNĐ
Đơn vị tiền tệ	VNĐ
Giá trị mua tối thiểu	2.000.000 đồng tương đương 200 Chứng chỉ Quỹ
Phương thức đăng ký mua	a. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản cáo bạch này. b. Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. <i>Lưu ý: Do Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua Đại lý phân phối ký danh, tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ là tài khoản Nhà đầu tư đứng tên chủ sở hữu (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);</i> c. Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản phong tỏa của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát trong thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ. d. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về

	chứng khoán. e. Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản phong tỏa hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.
Phương thức phân bổ Chứng chỉ Quỹ lần đầu:	Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân bổ cho Nhà đầu tư = Tổng số tiền đặt mua hợp lệ / Giá phát hành
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)
Trường hợp phát hành Chứng chỉ Quỹ không thành công	Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất (nếu có), khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây: a. Có ít hơn 100 (một trăm) Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ; b. Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt - Phòng giao dịch hội sở: Tầng 1, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội - Phòng giao dịch chi nhánh: Số 11, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành	- Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt; - Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt; - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

10.3 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu

10.3.1 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

Thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu	Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)
---	--

Ngày giao dịch	Định kỳ ngày thứ Năm thứ nhất và thứ ba trong tháng, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T). Kể từ ngày 06/11/2014, Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là định kỳ thứ Năm hàng tuần.	
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch - Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ	
Giá bán (Giá phát hành)	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ	
Phí phát hành	0,5% (không phải năm phần trăm) tính trên số tiền đăng ký mua hợp lệ	
Phí mua lại	Thời gian nắm giữ	Phí mua lại
	Nhỏ hơn 03 tháng	0,5%
	Từ 03 tháng trở lên	Không tính phí
	Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.	
Phí chuyển đổi	Thời gian nắm giữ	Mức phí
	Nhỏ hơn 03 tháng	0,10%
	Từ 03 tháng trở lên	Không tính phí
	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn. Trường hợp có chương trình chuyển đổi khác (nếu có), Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin đầy đủ cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.	
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	1.000.000 (Một triệu) đồng	
Số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu	05 (năm) CCQ	

Thời gian đóng sổ lệnh	14h45 (mười bốn giờ bốn mươi lăm phút) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 (mười bốn giờ bốn mươi lăm phút) của ngày làm việc gần nhất trước đó.
Thời điểm công bố NAV	Ngày T + 3
Thời hạn xác nhận giao dịch	Ngày T + 3
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Tối đa ngày T + 5
Phương thức giao dịch	Xem Điểm 9.2.4 Bản cáo bạch này
Hủy lệnh giao dịch	Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước 14h45 của ngày T – 1. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trong các trường hợp: a. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh b. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối); c. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại điểm 9.2.4.2 – (b) tại Bản cáo bạch này; d. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng;
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	Xem Điểm 9.2.4.7 Bản cáo bạch này
Địa điểm và đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

10.3.2 Chuyển nhượng phi thương mại

- Việc chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan;
- Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật;

- Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

10.4 Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

10.4.1 Phương pháp và thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

Xem Khoản 9.2.2.5 của Bản cáo bạch này

10.4.2 Phương tiện và địa chỉ công bố giá trị tài sản ròng, kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất và số lượng Chứng chỉ Quỹ lưu hành hiện tại

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Tình hình hoạt động của Quỹ sẽ được cập nhật và công bố cho Nhà đầu tư theo các nội dung và quy định tại Phần XIII. Cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, chế độ báo cáo tại Bản cáo bạch này.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

12.1 Công ty Quản lý Quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

12.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề Quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

12.3 Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

13.1 Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

13.1.1 Trong vòng tối đa 03 (ba) ngày kể từ ngày định giá (không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu

từ trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

13.1.2 Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thông kê giao dịch, sổ dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thông kê giao dịch, sổ dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.

13.1.3 Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:

- a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- b. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
- d. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.

13.1.4 Các tài liệu quy định tại điểm 13.1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố không muộn quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

13.1.5 Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

13.2 Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

13.2.1 Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
- b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
- d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;

13.2.2 Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.

13.2.3 Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 9289 590
- Website: <http://www.baovietfund.com.vn>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1. Biểu phí trả cho Dịch vụ ủy quyền
2. Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED
3. Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ
4. Phụ lục 4. Danh sách đại lý phân phối và các địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt



Nguyễn Đình An

Phụ lục 1. Phí lưu ký giám sát và Phí trả cho dịch vụ ủy quyền

1. Phí Lưu ký và Giám sát

Stt	Loại phí	Mức phí	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.1 Phí lưu ký, giám sát				
		0,08%/NAV/Năm	Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng	Mức phí lưu ký, giám sát tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng được áp dụng với tần suất giao dịch 1 lần/tuần. Trường hợp năng tần suất giao dịch, mức tối thiểu của phí lưu ký, giám sát tăng thêm 5.000.000 đồng/tháng đối với mỗi ngày giao dịch tăng thêm trong tuần
A.II Phí lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 10.000.000 đồng/ngày	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí		
A.III Phí lưu ký, chuyển khoản của VSD (Phí của bên thứ 3)				
A.3.1	Phí lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng		Phí lưu ký và phí chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu phí thì khoản mục phí này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Phí chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản	Không áp dụng/500,000	

		khoản/mã chứng khoán	đồng/lần/mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản phí VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

2. Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức phí dịch vụ như sau:

- Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>) - Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi :	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí

5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí
6	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

• **Phí khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED

I. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ đăng ký mở Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư Cá nhân:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư cá nhân;
 - Bản sao CMND/hộ chiếu;
 - Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp Nhà đầu tư ủy quyền đặt lệnh giao dịch hoặc nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ;
 - Đối với Nhà đầu tư Tổ chức:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức.
 - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh (*nếu có*).
 - Bản chính Giấy ủy quyền chỉ định Người tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại Đại lý phân phối.
 - Các loại giấy tờ khác như bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu của người được nhận ủy quyền, người đại diện.
- Nhà đầu tư có thể lựa chọn giao dịch Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc giao dịch điện tử như sau:
 - Nhà đầu tư đăng ký sử dụng giao dịch điện tử (*tại Giấy đăng ký mở tài khoản hoặc Phiếu đăng ký giao dịch điện tử theo mẫu*) và ký vào thỏa thuận giao dịch điện tử do Đại lý phân phối cung cấp.
 - Sau khi hoàn thành các thủ tục như trên, Nhà đầu tư sẽ được cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào hệ thống giao dịch điện tử thông qua email đã đăng ký tại Giấy đăng ký mở tài khoản. Trình tự, thủ tục giao dịch điện tử được hướng dẫn chi tiết tại hệ thống giao dịch điện tử.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư hoàn thiện HSDKMTK và chuyển cho Đại lý phân phối.
 - (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của HSDKMTK theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng quy định, Đại lý phân phối chuyển các thông tin tại HSDKMTK cho Đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.

- (3) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được HSDKMTK đầy đủ, hợp lệ, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

II. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

2.2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Năm hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 1.000.000 đồng/lệnh mua;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

i. Chuyển khoản;

ii. Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc qua ngân hàng trung gian.

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so TKGD]_[Mã sản phẩm quỹ BVFED]"

Mã sản phẩm quỹ như sau :

Mã sản phẩm quỹ
BVFEDN001

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ;
 - (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (3) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hiện hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

- (4) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản tiền của Quỹ. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
- (5) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

- (6) Nếu phát sinh các trường hợp phải hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ, thời gian hoàn trả tiền là trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch;

2.2.2 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP):

- Thời gian tham gia, Số tiền đặt mua, Kỳ nộp tiền...theo đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Nhà đầu tư;
- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

i. Chuyển khoản

ii. Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc qua ngân hàng trung gian

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so TKGD]_[Mã sản phẩm quỹ BVFED]"

Mã sản phẩm quỹ như sau :

Quỹ	Thời gian đăng ký mua	Mã sản phẩm quỹ
BVFED	1 năm	BVFEDS002
BVFED	2 năm	BVFEDS003
BVFED	Trên 2 năm	BVFEDS004

- Trình tự thực hiện:

- (1) Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ tại Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- (2) Tùy thuộc vào Chương trình đầu tư định kỳ đã đăng ký, Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ trước thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất tương ứng;
- (3) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

2.2 Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Năm hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh;
- Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh bán đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (4) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV/CCQ} \times [1 - \text{Phí mua lại (\%)}]$$

- (5) Trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch, tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được chuyển vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu của Nhà đầu tư;

2.3 Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Năm hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh giao dịch;
- Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu chỉ được thực hiện tại ngày giao dịch tương ứng sau khi tiền bán chứng chỉ quỹ (lệnh bán có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần) đã được chuyển vào tài khoản của quỹ mục tiêu;*
- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*
- Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm(05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

- (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh chuyển đổi đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
- (4) Trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày giao dịch của quỹ mục tiêu, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED

1. NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA VIỆC ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ BVFED.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, quy định tại Sổ tay định giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường của Việt Nam;
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được BVF đề xuất để cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Quỹ thông qua.

2. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

- 2.1 Đối với tiền gửi thanh toán tại ngân hàng: số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước ngày định giá.
- 2.2 Đối với tiền gửi có kỳ hạn: giá trị định giá bằng vốn gốc đầu tư cộng với lãi dự thu theo hợp đồng tính đến ngày trước ngày định giá.
- 2.3 Đối với tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: giá định giá bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá.

2.4 Đối với chứng khoán niêm yết:

2.4.1 Đối với cổ phiếu:

- Đối với cổ phiếu có giao dịch: lấy giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu trước ngày định giá.
- Đối với cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 02 (hai) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên lựa chọn giá trị thấp nhất giữa: giá vốn đầu tư, giá giao dịch gần nhất, giá trị sổ sách của tổ chức phát hành hoặc giá được xác định theo phương pháp định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

2.4.2 Đối với Trái phiếu Chính phủ niêm yết:

- Nếu có giao dịch: lấy giá yết (*giá sạch*) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi dự thu tính đến ngày trước ngày định giá.
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 (hai) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, giá Trái phiếu được lựa chọn cho từng loại trái phiếu như sau:
 - o Trái phiếu chính phủ có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng: áp dụng định giá theo phương pháp giá trị sổ sách, bằng giá trị đầu tư (*giá sạch*) cộng lãi coupon dự thu đến ngày trước ngày định giá.

- o Trái phiếu có thời hạn đáo hạn từ 12 tháng trở lên, định giá theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Sử dụng lãi suất chiết khấu của trái phiếu có cùng kỳ hạn với kỳ hạn còn lại của trái phiếu được định giá được lấy từ đường cong lãi suất cung cấp bởi VBMA hoặc lãi suất giao dịch của trái phiếu có cùng kỳ hạn trên HNX (trong trường hợp lấy lãi suất được cung cấp bởi HNX, phải đảm bảo đó là giao dịch outright không phải giao dịch repo).
 - Trong trường hợp lãi suất được cung cấp bởi VBMA không có lãi suất của trái phiếu cùng kỳ hạn với kỳ hạn còn lại với trái phiếu của Quý, sử dụng phương pháp trọng số theo thời gian để xác định lãi suất chiết khấu trên đường cong lãi suất do VBMA cung cấp để làm lãi suất tham chiếu và thực hiện việc định giá.
 - Trong trường hợp thanh khoản thấp quá, định giá theo phương pháp giá trị sổ sách và bằng giá trị đầu tư (giá sạch) cộng lãi coupon dự thu tính đến ngày trước ngày định giá, hoặc giá được xác định theo phương pháp định giá khác được Ban Đại diện quỹ phê duyệt.
- 2.5 Đối với quyền mua cổ phiếu: Cơ sở xác định giá trị quyền bằng giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất đến trước ngày định giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền và số lượng quyền được hưởng. Trong trường hợp định giá quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 (không đồng).
- 2.6 Đối với cổ phiếu thường: Cơ sở xác định giá là giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết tính đến ngày trước ngày định giá.
- 2.7 Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: giá của cổ phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp định giá khác được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ thông qua.
- 2.8 Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: giá của cổ phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp định giá khác được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
- 2.9 Chứng khoán phái sinh niêm yết:
 - Trường hợp có giá thị trường trong vòng 2 tuần gần nhất đến Ngày định giá, sử dụng giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định Giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 2 tuần gần nhất đến Ngày định giá, theo phương pháp được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt.
- 2.10 Tài sản được phép đầu tư khác: Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

3 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH NAV VÀ NAV/1CCQ

- NAV = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ.
- NAV/1CCQ = Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Ghi chú:

- Tổng tài sản nợ, có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Quỹ mở và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (*book value*):
 - o Đối với tài sản là trái phiếu: giá trị sổ sách là giá sạch (*clean*).
 - o Đối với tài sản là cổ phiếu: giá trị sổ sách của cổ phiếu trong danh mục là giá *book value* có báo cáo kiểm toán gần nhất của tổ chức phát hành (bao gồm cả báo cáo tài chính bán niên có xác nhận của kiểm toán).

Phụ lục 4: Danh sách đại lý phân phối và địa điểm giao dịch chứng chỉ quỹ

STT	Đại lý Phân phối	Địa điểm phân phối
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Website: http://www.baovietfund.com.vn/	- Trụ sở chính: - Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; - Số điện thoại: (84-24) 3 928 9589
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Website: http://www.bvsc.com.vn	- Phòng giao dịch hội sở: - Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; - Số điện thoại: (84-24) 3928 8080 - Phòng giao dịch Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: - Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; - Số điện thoại: (84-28) 3 821 8564
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản Website: https://www.japan-sec.vn	- Trụ sở chính: - Địa chỉ: Tầng 3&4 tòa nhà viglacera – số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 3 7911818